

Số: /SCT-NL
V/v báo cáo các nội dung quy định tại
Thông tư 25/2020/TT-BCT

Thừa Thiên Huế, ngày tháng 12 năm 2024

Kính gửi:

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 13257/UBND-CT ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc báo cáo sử dụng năng lượng và cập nhật danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2024; Trên cơ sở các nội dung quy định tại Điều 2 và Điều 9 Thông tư số 25/2020/TT-BCT ngày 29/9/2020 của Bộ Công Thương về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện kiểm toán năng lượng (*Thông tư 25/2020/TT-BCT*), Sở Công Thương đề nghị các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hoặc một phần ngân sách nhà nước có mức tiêu thụ điện hằng năm trên 100.000 kWh trở lên thực hiện các nội dung như sau:

1. Xây dựng, đăng ký kế hoạch năm 2025 và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng năm 2024 của cơ quan, đơn vị mình theo nội dung quy định tại Mẫu 1.5, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 25/2020/TT-BCT.

2. Truy cập vào Trang thông tin điện tử <http://dataenergy.vn>, thực hiện nhập dữ liệu theo các bước và trình tự hướng dẫn trên Trang thông tin điện tử và gửi báo cáo về Sở Công Thương trước ngày 30/4/2025 (*Tên đơn vị, mật khẩu truy cập trang web <http://dataenergy.vn> – tại Phụ lục 1 đính kèm; Nội dung báo cáo – tại Phụ lục 2; Tài liệu hướng dẫn sử dụng trang web <http://dataenergy.vn> được đăng tải trên trang web của Sở Công Thương, Mục Tiếp cận thông tin: <http://www.sct.thuathienhue.gov.vn>).*

Sở Công Thương đề nghị cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, NL₅.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phụ lục 1: Danh mục các đơn vị và mật khẩu đăng nhập trang thông tin điện tử <http://dataenergy.vn>

(đính kèm Công văn số /SCT-NL ngày /12/2024 của Sở Công Thương)

Stt	Tên đơn vị	User
1	Văn Phòng UBND, Văn Phòng Đoàn ĐBQH & HĐND Tỉnh Thừa Thiên Huế	dn.thuathienhue.053
2	Trung Tâm Bảo Tồn Di Tích Cố Đô Huế	dn.thuathienhue.054
3	Đài Phát Thanh và Truyền Hình tỉnh T.T.Huế	dn.thuathienhue.055
4	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế	dn.thuathienhue.057
5	Cục Hải quan tỉnh Thừa Thiên Huế	dn.thuathienhue.058
6	Văn Phòng HĐND và UBND Thành Phố Huế	dn.thuathienhue.059
7	Trường Đại Học Sư Phạm Huế	dn.thuathienhue.060
8	Trường Đại Học Khoa Học Huế	dn.thuathienhue.061
9	Trường Đại Học Y Dược - Đại Học Huế	dn.thuathienhue.062
10	Trường Đại Học Ngoại Ngữ	dn.thuathienhue.063
11	Trường Đại Học Kinh Tế Huế	dn.thuathienhue.064
12	Cục Thuế Tỉnh Thừa Thiên Huế	dn.thuathienhue.065
13	Trường Đại Học Nông Lâm Huế	dn.thuathienhue.066
14	Cơ Sở Học Viện Hành Chính Khu Vực Miền Trung	dn.thuathienhue.067
15	Công An tỉnh Thừa Thiên Huế	dn.thuathienhue.069
16	Công An Thành Phố Huế	dn.thuathienhue.070
17	Bộ Chỉ Huy Bộ Đội Biên Phòng Tỉnh T.T.Huế	dn.thuathienhue.071
18	Bộ Chỉ Huy Quân sự Tỉnh T.T.Huế	dn.thuathienhue.072
19	Kho bạc Nhà nước tỉnh T.T.Huế	dn.thuathienhue.077
20	Chi cục thuế thành phố Huế	dn.thuathienhue.078
21	Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế	dn.thuathienhue.080
22	Đại Học Huế	dn.thuathienhue.081
23	Trại giam Bình Điền	dn.thuathienhue.085
24	Trường Cao Đẳng Du Lịch Huế	3300314813
25	Bảo Hiểm Xã Hội Tỉnh Thừa Thiên Huế	3300795232
26	Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh tỉnh	3301644525

Ghi chú: Mật khẩu: abc123.

Phụ lục 2: Nội dung báo cáo

(Mẫu 1.5, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 25/2020/TT-BCT)

(đính kèm Công văn số...../SCT-NL ngày .../12/2024 của Sở Công Thương)

Mẫu 1.5

MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng cho cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước là cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hoặc có mức tiêu thụ điện hàng năm từ 100.000 kWh trở lên)

KẾ HOẠCH NĂM

VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

[Tên cơ sở] báo cáo kế hoạch năm [năm N] Ngày lập báo cáo [././.....]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo)	[Dành cho Sở Công Thương ghi]
Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo	[Dành cho Sở Công Thương ghi]

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia
<http://dataenergy.vn>

Tên cơ sở:

Mã số thuế:

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh.....]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo:

Điện thoại: Fax:, Email:

Trực thuộc (tên công ty mẹ):

Địa chỉ: [Tên Huyện] [Tên Tỉnh.....]

Điện thoại: Fax:, Email:

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

Chưa áp dụng

Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động

1.1. Thông tin về cơ sở hạ tầng

Năm đưa tòa nhà vào hoạt động		Loại công trình	
Tổng diện tích mặt sànm ²	Số tầng	
Tổng diện tích được bao che ⁽¹⁾m ²	Tổng diện tích bán bao che ⁽²⁾m ²
Tổng diện tích không bao che ⁽³⁾m ²	Diện tích được ĐHNĐ ⁽⁴⁾m ²
Tổng diện tích văn phòngm ²	Số phòng làm việc	
Tổng diện tích các phòng họpm ²	Số phòng họp	
Diện tích cho thuê làm cửa hàngm ²	Số cửa hàng	
Diện tích khu căng - tin, phục vụm ²	Diện tích khu giải trím ²
Số tầng hầm (nếu có)		Tổng diện tích tầng hầm (nếu có)m ²
Số tầng/nhà để xe (nếu có)		Diện tích tầng/nhà để xem ²

Ghi chú:

- (1) Phần diện tích có mái che và có tường bao quanh;
(2) Phần diện tích có mái che và một phần tường bao quanh;
(3) Phần diện tích không có mái che và tường bao quanh (ngoài trời);
(4) ĐHNĐ - Điều hòa nhiệt độ.

1.2 Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm [Năm N-1]:

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.3 trong Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung - nếu có)

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Loại nhiên liệu	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống ⁽⁴⁾	Mô tả giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
				Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL (%) ⁽³⁾ Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)		
				Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL (%) ⁽¹⁾ Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)		

⁽³⁾ So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

⁽⁴⁾ Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

1.3 Kết quả Thực hiện thay thế, nâng cấp, bổ sung thiết bị công nghệ trong năm [Năm N-1]:

Kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.4 trong Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung- nếu có)

STT	Tên thiết bị lắp mới/nâng cấp/thay thế theo kế hoạch	Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế)	Loại nhãn năng lượng của thiết bị	Thực hiện (Có/không)	Lý do (Trong trường hợp không thực hiện được)

II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N]

2.1 Dự kiến mức sử dụng năng lượng

2.1.1. Mức tiêu thụ nhiên liệu

STT	Loại năng lượng	Đơn vị tính ^(*)	Lượng tiêu thụ	Ghi chú
1	Dầu DO	1.000 Lít (tấn)		
2	LPG	Tấn		
3	Khí tự nhiên (Natural Gas)	Tấn		
4	Xăng	Tấn		
5	Năng lượng khác ^(2*)	(ghi rõ đơn vị tính)		

Ghi chú:

^(*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp;

^(2*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và nhiệt trị của năng lượng.

2.1.2. Tiêu thụ điện

I. Điện năng mua từ lưới:	Công suất đăng kýkW	Điện năng..... 10 ⁶ kWh/năm
II. Điện tự sản xuất (nếu có):	Công suất lắp đặt:kW	Điện năng sản xuất: 10 ⁶ kWh/năm
1. Biomass		
2. Biogas		
3. Điện gió		

4. Điện mặt trời		
III. Điện bán ra (nếu có)	Công suất bán ra:kW	Sản lượng điện bán ra:10 ⁶ kWh/năm

2.3. Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm [năm N]:

Các giải pháp và dự kiến kết quả (Đối chiếu với kế hoạch 5 năm đã đăng ký nếu có và các giải pháp bổ sung, nếu có, trong năm kế hoạch)

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Loại nhiên liệu	Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống ⁽²⁾	Mô tả giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
.....				Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo)		
.....				Mức tiết kiệm NL (%) ¹		
.....				Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng)		
				Lợi ích khác (là gì?)		

⁽¹⁾ So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

⁽²⁾ Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

2.4 Kết quả Thực hiện thay thế, nâng cấp, bổ sung thiết bị công nghệ trong năm [Năm N-1]:

STT	Tên thiết bị lắp mới/nâng cấp/thay thế theo kế hoạch	Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế)	Loại nhãn năng lượng của thiết bị	Lý do lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế

Cam kết

Được sự ủy quyền của lãnh đạo cơ quan, đơn vị [Tên cơ quan, đơn vị] về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N] của [Tên cơ quan, đơn vị được báo cáo trong kế hoạch], tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

Người lập kế hoạch

Ngày báo cáo [...../...../.....]

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị duyệt